

Họ và tên :

Luyện tập chung về số thập phân, so sánh số thập phân

1. Đọc các số thập phân sau :

201,05 :

0,187 :

9,001 :

84,3020 :

2. Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn :

42,538 ; 41,835 ; 42,358 ; 41,538 ;

3. Viết các số thập phân gồm có :

- a) Năm mươi hai đơn vị, bảy phần mười :
- b) Ba trăm, hai đơn vị, tám phần mười, năm phần trăm :
- c) Không đơn vị, một phần trăm :
- d) Không đơn vị, một trăm linh bốn phần nghìn :

4. Tìm chữ số $\times$ biết :

a) $25, \times 4 > 25,74$ Vậy $\times =$

a) $10,6 \times < 10,62$ Vậy $\times =$



5. viết các phân số thập phân sau dưới dạng số thập phân :

$$\frac{563}{10} =$$

$$\frac{9}{10} =$$

$$\frac{384}{100} =$$

$$\frac{625}{1000} =$$

$$\frac{42}{100} =$$

$$\frac{1538}{100} =$$

6. Xếp các số thập phân sau theo thứ tự từ bé đến lớn :

78,469 ; 79,864 ; 79,649 ; 78,964 ;

7. Xếp các số thập phân sau theo thứ tự từ lớn đến bé :

0,6 ; 0,596 ; 0,657 ; 0,569 ; 0,65 ;